

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 77/2024/HS-ST

Ngày: 23/9/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Thắm và ông Nguyễn Đình Thập.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Bảy – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quyên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/9/2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 73/2024/TLST - HS ngày 30/08/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST - HS ngày 09/09/2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn H, sinh năm 1977 tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 4/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Văn M và bà Trần Thị C; có vợ là Trần Thị Thanh H1 và 02 con, lớn sinh năm 1999, nhỏ sinh năm 2001. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

2. Trần Văn N, sinh năm 1989 tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Công giáo; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Văn Th và bà Vũ Thị T; vợ: Trần Thị Thu P và 02 con, lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”.

3. Nguyễn Bùi Đ, sinh năm 1990 tại xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Nguyễn Bùi A và bà Đỗ Thị L (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Ngọc A1 và 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm

2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

4. Vũ Bá B, sinh năm 1990 tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 7/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Vũ Bá Tường (đã chết) và bà Trần Thị C; có vợ là Trần Thị Thúy N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2012, nhỏ nhất sinh năm 2018. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

5. Trần Đình V, sinh năm 1986 tại xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Đình T và bà Lê Thị H; có vợ là Hoàng Thị N và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

6. Trần Đăng T, sinh năm 1987 tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 8/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Trần Đăng B (đã chết) và bà Trương Thị Q; có vợ là Trần Thị T và 03 con, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “*Cấm đi khỏi nơi cư trú*”.

7. Đào Ngọc Q, sinh năm 1983 tại xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; giới tính: Nam; nơi thường trú và cư trú trước khi bị bắt tạm giữ, tạm giam: Thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Đào Ngọc T và bà Trần Thị N; vợ Lê Thị H và 02 con, lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2023. Tiền án, tiền sự: Không. Đặc điểm nhân thân: Ngày 20/4/2017 bị TAND huyện B xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*” quy định tại khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; ngày 30/10/2017 chấp hành xong bản án. Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 04/7/2024; chuyển tạm giam từ ngày 13/7/2024, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

Các bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/7/2024, bị cáo Nguyễn Văn H đang ở nhà tại thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam thì lần lượt có các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, và V Bá B lần lượt đi đến nhà H ngồi chơi, uống nước. Sau đó H, N, Đ, B cùng rủ nhau đánh bạc được thua sát phạt nhau bằng tiền với hình thức chơi “*Liêng*”. Tất cả cùng đi xuống nhà kho của H rồi ngồi xuống chiếc chiếu đã được trải sẵn và sử dụng bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có sẵn từ trước tại nhà H để đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, lần lượt có thêm các bị cáo Trần Đình V, Trần Đăng T và Đào Ngọc Q lần lượt đi đến nhà kho của H và tham gia đánh bạc cùng các bị cáo khác. Đến khoảng 15 giờ ngày 04/7/2024, trong khi các bị cáo trên đang đánh bạc tại nhà kho của H thì bị Lực lượng Công an huyện B phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ vật chứng, tạm giữ đồ vật, tài sản như sau:

- Thu tại nền nhà kho của Nguyễn Văn H, là nơi các bị cáo đánh bạc: 01 chiếc chiếu cói, có in hoa văn màu đỏ kích thước (1,5x1,9)m. 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K, mỗi loại cây bài có 04 chất Rô, Cơ, Tép, Bích, mặt sau mỗi cây bài đều có hoa văn màu xanh. 16.050.000 đồng tiền mặt.

- Kiểm tra người các đối tượng thu giữ của:

- + Nguyễn Văn H: 01 điện thoại Iphone 8 Plus, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0945560364.

- + Trần Văn N 01 điện thoại Iphone 8 Plus, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0356115243; số tiền 3.050.000 đồng.

- + Đào Ngọc Q: 01 điện thoại Samsung J7 Pro, bên trong lắp 02 sim có số thuê bao 0986262589 và 0349102933; 01 điện thoại Samsung A7; số tiền 1.200.000 đồng.

- + Trần Đăng T: 01 điện thoại Iphone Xs, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0968164815.

- + Vũ Bá B: 01 điện thoại OPPO Reno 7, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0378819566.

- + Trần Đình V: 01 điện thoại Samsung Galaxy A12, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0383328646.

- + Nguyễn Bùi Đ: 01 điện thoại Samsung Galaxy A14, bên trong lắp 01 sim có số thuê bao 0983207128 .

Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Văn H tại thôn x, xã B, huyện Bình Lục nhưng không thu giữ được đồ vật, tài liệu gì liên quan đến vụ án.

* Cách thức đánh bạc của các đối tượng như sau: Các bị cáo tham gia đánh bạc sử dụng 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài có thứ tự từ: A (át), 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, J, Q, K. Mỗi loại cây bài này có 4 chất trong đó quy ước thứ tự các chất từ to nhất đến nhỏ nhất lần lượt là Rô, Cơ, Tép, Bích. Để đánh bạc, đầu tiên một người chia đều cho mỗi người chơi 03 cây bài rồi độ điểm, ai có bài lớn nhất sẽ cầm cái. Sau đó, ở mỗi ván bài mỗi người chơi phải bỏ ra 50.000 đồng, gọi là

tiền vào “gà”, người cầm cái chia đều cho mỗi người chơi 03 cây bài. Sau khi lên bài mà người nào tham gia chơi tiếp thì “tổ” thêm lượt nhưng không được quá 500.000 đồng, người tổ đầu tiên là người cầm cái và lần lượt tổ theo chiều ngược kim đồng hồ, ai không chơi thì úp bài vào “nọc”. Khi “tổ” xong thì độ điểm, bài của người chơi lớn nhất (kể cả về chất bài) sẽ thắng và được hưởng toàn bộ số tiền “gà” và tiền “tổ” thêm, người thắng sẽ được cầm cái ở ván bài tiếp theo. Các đối tượng quy ước ván bài lớn nhất được tính theo thứ tự: Lớn nhất là bài “sáp” có 03 cây bài cùng loại; tiếp đến là bài “liêng” có 03 cây bài thứ tự liền kề nhau; bài “đầu hình” (còn gọi là bài “ảnh”) tức là bài có các cây J, Q hoặc K nhưng không tạo thành “sáp” hoặc “liêng”, sau cùng là bài “tính điểm”, người chơi cộng 03 quân bài với nhau, bài 9 điểm là lớn nhất, trong đó A (át) được tính 1 điểm, các quân bài từ 10 đến K tính 0 điểm. Ngoài ra người thắng ván bạc mà được bài “sáp” thì được 200.000 đồng của những người chơi khác, người được bài “liêng đồng hoa” (bài liêng cùng chất) thì được 100.000 đồng của những người chơi khác.

Quá trình đánh bạc, Nguyễn Văn H sử dụng khoảng 2.300.000 đồng; Vũ Bá B sử dụng khoảng 2.300.000 đồng; Đào Ngọc Q sử dụng khoảng hơn 2.000.000 đồng (số tiền 1.200.000 đồng bị thu trên người Q khai nhận không sử dụng để đánh bạc); Trần Đăng T sử dụng 2.300.000 đồng; Trần Đình V sử dụng khoảng 2.300.000 đồng; Nguyễn Bùi Đ sử dụng khoảng hơn 2.000.000 đồng; Trần Văn N sử dụng khoảng hơn 2.000.000 đồng (số tiền 3.050.000 đồng bị thu trên người Nam khai nhận không sử dụng để đánh bạc). Tổng số tiền các đối tượng sử dụng để đánh bạc là 16.050.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 74/CT - VKS - TA ngày 28/08/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q về tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q. Áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc Q. Áp dụng điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T. Áp dụng điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ. Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự. Áp dụng Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14. Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 01 năm 06 tháng tù đến 01 năm 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng. Xử

phạt các bị cáo: Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng. Xử phạt các Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, mỗi bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng cải tạo không giam giữ, được trừ đi thời gian các bị cáo bị tạm giữ (từ ngày 04/7/2024 đến ngày 12/07/2024); miễn khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo. Áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo, phạt mỗi bị cáo từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng nộp ngân sách Nhà nước. Về xử lý vật chứng của vụ án: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 16.050.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ. Tịch thu tiêu huỷ 52 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng. Về tài sản đã tạm giữ: Trả lại bị cáo Đào Ngọc Q 1.200.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ; trả lại bị cáo Trần Văn N 3.050.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ nhưng được giữ lại để đảm bảo công tác thi hành án dân sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như trong nội dung vụ án đã nêu ở trên và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến nhân thân và hoàn cảnh gia đình khó khăn để giảm nhẹ hình phạt; cho các bị cáo được hưởng án treo để các bị cáo có điều kiện chăm lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo không có khiếu nại gì về Q định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hành vi cùng nhau chơi “*Liêng*” được thua bằng tiền từ khoảng hơn 13 giờ 30 phút đến khoảng 15 giờ 00 phút ngày 04/7/2024, tại nơi ở của bị cáo Nguyễn Văn H thuộc thôn x, xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam với tổng số tiền là 16.050.000 đồng của các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q đã phạm tội “*Đánh bạc*” được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tất cả các bị cáo được hưởng tình tiết “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo H, N, Đ, B, V, T được hưởng thêm tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” và “*Hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình*” được quy định tại điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo H được hưởng thêm tình tiết “*Bố đẻ được tặng thưởng Huy chương kháng chiến*”; bị cáo Đ được hưởng

thêm tình tiết “*Đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự*”; các tình tiết được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Đánh giá vai trò đồng phạm trong vụ án: Trong vụ án bị cáo H sử dụng nơi ở của mình cho việc đánh bạc và trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ nhất trong vụ án. Các bị cáo còn lại trực tiếp tham gia đánh bạc nên giữ vai trò thứ hai.

[5] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự xã hội, làm mất an ninh tại địa bàn phạm tội cần phải có hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét đến nhân thân, vai trò và mức độ tham gia của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt đối với mỗi bị cáo; vừa thể hiện sự răn đe, giáo dục các bị cáo vừa thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Trong vụ án; xét bị cáo Q đã từng bị xử phạt cải tạo không giam giữ về tội “*Đánh bạc*” nay lại phạm tội “*Đánh bạc*” do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo Q.

Đối với các bị cáo H, N, Đ, B, V, T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải; hoàn cảnh gia đình các bị cáo khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có xác nhận của chính quyền địa phương; các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng do đó Hội đồng xét xử thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo H, N, Đ, B, V, T ra khỏi đời sống xã hội mà vẫn có thể cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân B tuân thủ pháp luật. Xét: Các bị cáo H, B, T, V đánh bạc với số tiền nhiều hơn các bị cáo Đ, N nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo. Các bị cáo Đ, Nam đánh bạc với số tiền ít hơn nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ. Thời gian các bị cáo Đ, N bị tạm giữ được đối trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ với quy định 01 ngày tạm giữ bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ. Đồng thời xét các bị cáo Đ, N làm nghề tự do, thu nhập thấp và không ổn định; hiện hoàn cảnh gia đình khó khăn nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Đ, N.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo đều có sức khỏe lao động và có thu nhập nên Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo. Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng xem xét đến hoàn cảnh gia đình khó khăn của các bị cáo để quyết định mức phạt tiền.

[7] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 cây bài và 01 chiếc chiếu cói là công cụ các đối tượng sử dụng vào việc đánh bạc; xét là vật không có giá trị nên tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 16.050.000 đồng là tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc nên tịch thu sung ngân sách nhà nước.

* Về xử lý đồ vật, tài sản liên quan đã thu giữ, tạm giữ:

- Đối với 1.200.000 đồng thu trên người Đào Ngọc Q và 3.050.000 đồng thu trên người Trần Văn N; quá trình điều tra xác định Q và Nam không sử dụng số tiền này để đánh bạc vì vậy trả lại các bị cáo Q, N.

- Đối với các điện thoại di động mà Cơ quan điều tra đã tạm giữ của các bị cáo khi bắt quả tang; quá trình điều tra đã xác định các điện thoại tạm giữ không liên quan đến việc đánh bạc của các bị cáo vì vậy Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại các điện thoại cho các bị cáo là đúng pháp luật.

[8] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

Q ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 và khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; các khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, V Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q.

Áp dụng Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đào Ngọc Q.

Áp dụng điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Văn H, V Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T.

Áp dụng điểm i khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ.

Áp dụng: Điều 47 Bộ luật Hình sự. Các điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, V Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q phạm tội “*Đánh bạc*”.

2. - Xử phạt bị cáo Đào Ngọc Q **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (04/7/2024).

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H **01** (một) năm **06** (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **03** (ba) năm kể từ ngày tuyên án (23/9/2024).

- Xử phạt các bị cáo Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T; mỗi bị cáo **01** (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách **02** (hai) năm kể từ ngày tuyên án (23/9/2024).

- Xử phạt các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ; mỗi bị cáo **01** (một) năm **03** (ba) tháng cải tạo không giam giữ; các bị cáo được đối trừ **08** (tám) ngày tạm

giữ; thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bị cáo Nam, bị cáo Đ phải chấp hành là **01** (một) năm **02** (hai) tháng **06** (sáu) ngày.

Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền nhận được quyết định thi hành án.

Miễn việc khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ.

Giao các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Bá B, Trần Đăng T cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Giao các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ cho Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Giao bị cáo Trần Đình V cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam giám sát, giáo dục.

Gia đình các bị cáo Nguyễn Văn H, Vũ Bá B, Trần Đăng T phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát, giáo dục bị cáo H, bị cáo B, bị cáo T.

Gia đình các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ phối hợp với Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát, giáo dục bị cáo N, bị cáo Đ.

Gia đình bị cáo Trần Đình V phối hợp với Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam trong việc giám sát, giáo dục bị cáo V.

Trong thời gian thử thách của án treo; các bị cáo H, B, V, T phải thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 87 Luật Thi hành án hình sự. Nếu các bị cáo H, B, V, T vắng mặt tại nơi cư trú hoặc thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu các bị cáo H, B, V, T cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo H, B, V, T phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, nếu các bị cáo N, Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 100 Luật Thi hành án hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn H 2.000.000 đồng. Phạt tiền sung ngân sách Nhà nước đối với các bị cáo Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, V Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q; mỗi bị cáo 1.000.000 đồng. Các bị cáo có nghĩa vụ nộp tiền phạt tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 16.050.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ. Tịch thu tiêu huỷ 52 cây bài tú lơ khơ và 01 chiếc chiếu cói đã qua sử dụng.

Về tài sản đã tạm giữ: Trả lại bị cáo Đào Ngọc Q 1.200.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ. Trả lại bị cáo Trần Văn N 3.050.000 đồng trong tổng số 20.300.000 đồng thu giữ.

Các vật chứng và tài sản tạm giữ được xác định theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 29/8/2024 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Nam cùng Ủy nhiệm chi ngày 29/8/2024 của Cơ quan CSĐT Công an huyện B, tỉnh Hà Nam.

5. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo: Nguyễn Văn H, Trần Văn N, Nguyễn Bùi Đ, Vũ Bá B, Trần Đình V, Trần Đăng T, Đào Ngọc Q; mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng.

Ấn xử công khai. Báo cho các bị cáo B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã B, huyện B;
- UBND xã V, huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà
Đặng Trần Anh Dũng
(đã ký)